

Số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2018
Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước
2. Bà Võ Thị Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Toà án nhân dân Quận 2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại phòng xử án của Toà án nhân dân Quận 2 đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm: 1987;
Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm: 1989;
Nơi cư trú cuối cùng: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, nguyên đơn - Ông Lê Thanh T trình bày: Ông T và bà Trần Thị Kim N đã kết hôn vào ngày 25/04/2012 theo giấy chứng nhận kết hôn số 44 tại Ủy ban nhân dân phường A. Vợ chồng trước đây sinh sống tại số Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do mâu thuẫn về tiền bạc, ngày 01/07/2015 bà N mang theo con đã bỏ nhà đi đâu không rõ, không thể liên lạc được.

Ngày 23/01/2018 Tòa án nhân dân quận 2 đã có quyết định số 04/2018/QĐDS-ST về việc tuyên bố mất tích đối với bà Trần Thị Kim N.

Nay ông T xin được ly hôn với bà Trần Thị Kim N.

Về con chung: Ông T và bà N có 01 đứa con chung là Lê Trần Thiện T, sinh ngày 21/09/2013, bà N lúc ra đi đã mang theo con, nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định ông và bà N không có tài sản chung và nợ chung, ông T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn, bà Trần Thị Kim N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát Quận 2 trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân Quận 2 đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Thanh T được ly hôn với bà Trần Thị Kim N.

Về con chung: Ông T và bà N có 01 đứa con chung là Lê Trần Thiện Tâm, sinh ngày 21/09/2013, bà N lúc ra đi đã mang theo con, nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Tòa án nhân dân Quận 2 chấp nhận yêu cầu về hôn nhân, con chung tài sản chung và nợ chung của nguyên đơn ông Lê Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Ông Lê Thanh T yêu cầu ly hôn bà Trần Thị Kim N, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Trần Thị Kim N có nơi cư trú cuối cùng tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho ông Lê Thanh T để tham gia phiên tòa nhưng nguyên đơn ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với bà N theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Thanh T và bà Trần Thị Kim N.

Về nội dung:

Ông Lê Thanh T và bà Trần Thị Kim N tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2012 ngày 25/4/2012 tại

Ủy ban nhân dân phường A, Quận B, Thành phố C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông T và bà N được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do mâu thuẫn về tiền bạc, ngày 01/07/2015 bà N mang theo con bỏ nhà đi đâu không rõ, không thể liên lạc được. Ngày 23/01/2018 Tòa án nhân dân quận 2 đã có quyết định số 04/2018/QĐDS-ST về việc tuyên bố mất tích đối với bà Trần Thị Kim N. Nay ông T xin được ly hôn với bà Trần Thị Kim N, xét thấy yêu cầu ly hôn của ông T là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Ông T và bà N có 01 đứa con chung là Lê Trần Thiện T, sinh ngày 21/09/2013, bà N lúc ra đi đã mang theo con, nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không xem xét, giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ án khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Án phí sơ thẩm: Ông Lê Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 180, Khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Ông Lê Thanh T về yêu cầu xin ly hôn với bà Trần Thị Kim N.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh T được ly hôn với bà Trần Thị Kim N. Quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Thanh T và bà Trần Thị Kim N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyền số 01/2012 ngày 25/4/2012 tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận B, Thành phố C được chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông T và bà N có 01 đứa con chung là Lê Trần Thiện Tâm, sinh ngày 21/09/2013, bà N lúc ra đi đã mang theo con, nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét, giải quyết.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí sơ thẩm: Ông Lê Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0015049 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Ông T đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 2;
- THA Quận 2;
- Các đương sự;
- UBND phường A, Quận B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hiếu

Nơi nhận:

- VKSND Quận 2;
- THA Quận 2;
- Các đương sự;
- UBND phường An Phú, Quận 2;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hiếu